SERVICE COMPETENCY

Giặt ghế, sofa và vải nội thất

Hồ sơ năng lực dịch vụ: nhận diện vật liệu, chọn phương pháp, kiểm soát độ ẩm và nghiệm thu

Quy trình chẩn đoán vật liệu — từ len, cotton, polyester đến da aniline — để chọn đúng phương pháp ướt, khô hay vi sinh, kèm ngưỡng độ ẩm và tiêu chí không được thi công.

> *"Ca khó không ngại. Đã nhận là làm đến cùng."*
>
> SONGANHHYG · LÀM NGHỀ BẰNG KHÍ CHẤT VÀ TỰ TRỌNG

CHẨN ĐOÁN · PHƯƠNG PHÁP · THÔNG SỐ · KIỂM SOÁT RỦI RO · NGHIỆM THU

SAH-SC-02 · V1.1 · 11/2026

SERVICE COMPETENCY
Chứng minh tay nghề bằng quy trình và số đo

VERIFIED DELIVERY
Ca thực chiến, dữ liệu và nghiệm thu

RISK PROTECTION
Cam kết bảo vệ khách hàng bằng cơ chế

0905 751 566 · danangadv@gmail.com · dichvuvesinhdanang.com

MỤC LỤC

Cấu trúc tài liệu, thứ tự đọc và số trang trên bản PDF

00 Trả lời 6 câu hỏi trước khi ký 3

01 Giặt ghế, sofa và vải nội thất: nguyên tắc và định vị 5

02 Phạm vi dịch vụ và định nghĩa thành công 6

03 Nhận diện vật liệu và test vùng khuất 6

04 Ma trận phương pháp, thông số và kiểm tra thiết bị 8

05 Hóa chất, độ tương thích và chăm sóc da 9

06 Tám bước thi công và điểm giữ bắt buộc 10

07 Rủi ro kỹ thuật, HSE và an ninh 11

08 Chỉ tiêu đo, ngưỡng đạt và hồ sơ nghiệm thu 11

09 Không nên thi công: điều kiện dừng và cảnh báo 12

10 Phương án thay thế, bàn giao, bảo hành, hồ sơ 13

CÁCH ĐỌC TÀI LIỆU

Thang bằng chứng E0–E4: E0 chính sách; E1 quy trình; E2 năng lực; E3 đo lường; E4 xác nhận độc lập. Mỗi bảng có đơn vị và ngưỡng; mỗi kết luận phải truy được về một phép đo hoặc một biên bản. Bản PDF có bookmark theo mục và số trang in ở chân trang.

KIỂM SOÁT TÀI LIỆU

MÃ TÀI LIỆU	PHIÊN BẢN	HIỆU LỰC	TRẠNG THÁI
SAH-SC-02	V1.1	Sau khi ký	Bản trình duyệt 1.1
BIÊN SOẠN	**SOÁT XÉT**	**PHÊ DUYỆT**	**RÀ SOÁT TIẾP**
Phòng KT & CL	Trưởng phòng KT	_____	11/2027

00 · QUYẾT ĐỊNH MUA

Trả lời 6 câu hỏi trước khi ký

Ghế/sofa khô đúng chuẩn, không co rút, không lem màu, không mùi ẩm; nếu vải không cứu được, nói thẳng trước khi làm.

TÓM TẮT 30 GIÂY

Vấn đề: Ghế lem cà phê, mùi ẩm, vải xỉn màu; làm ẩm quá lâu khiến mốc hoặc co rút.

Cách xử lý: Test vải (burn, water absorption, crock, pH), chọn HWE/bọt khô/giặt khô, kiểm soát độ ẩm và sấy.

Kết quả anh/chị nhận: Độ ẩm vải ≤ 12%, độ bền màu (crock) ≥ 4/5, khô 4–12 giờ tùy RH, không mùi ẩm.

Nếu chỉ có 1 phút: đọc hộp "Tóm tắt 30 giây" và Bảng 0.2; 6 câu hỏi dưới đây dành cho người duyệt và người vận hành.

BẢNG 0.1. SÁU CÂU HỎI QUYẾT ĐỊNH MUA — TRẢ LỜI TRỰC TIẾP

Câu hỏi	Trả lời
Công việc của tôi có bị gián đoạn không?	Có gián đoạn cục bộ: khu vực ghế không dùng trong 4–12 giờ tùy RH và phương pháp. Làm cuối tuần/ngoài giờ để không chặn hoạt động. Ghế mẫu 10% được làm trước để khách thấy màu và độ khô.
Vấn đề tôi đang gặp có được xử lý tận gốc không?	Tận gốc khi xử lý đúng nguồn: thuốc nhuộm, dầu mỡ, mồ hôi, vi khuẩn, nấm mốc, nước tràn. Nếu vải đã mục, da bong, mốc trong lớp đệm hoặc co rút do sấy sai, chỉ làm sạch bề mặt sẽ tái phát; phải thay vải/đệm hoặc chuyển xử lý chuyên biệt.
Chi phí sẽ ở mức nào, phát sinh trong trường hợp nào?	Ba mức tương đối: 1,0 HWE cơ bản; 1,3 HWE + khử mùi/kháng khuẩn; 1,7 tháo vỏ/giặt khô hoặc xử lý đặc biệt. Giá = số ghế × loại vải × mức bẩn × phương pháp; phát sinh khi: vải nhạy màu, tháo vỏ, đệm ẩm, di chuyển ghế, xử lý mùi/mốc, làm đêm.
Nếu kết quả không đạt hoặc tái phát, ai chịu trách nhiệm?	Giám đốc kỹ thuật chịu trách nhiệm cuối cùng; kỹ thuật viên thực hiện; giám sát nghiệm thu. Không đạt: làm lại điểm lỗi trong 24 giờ; nếu vải hư do phương pháp, đền theo hợp đồng; bảo hành 14 ngày; tái phát mở CAPA.
SONGANHHYG đã từng giải quyết tình huống tương tự chưa?	Tổ chức: 25+ năm, 550+ nhân sự, 7.000+ khách hàng theo dữ liệu công bố. Bộ hồ sơ có 01 Verified Customer Case (terrazzo, ẩn danh) — không phải ghế; case ghế là Technical Demonstration 03. Xem callout bên dưới.
Tôi được hỗ trợ thế nào từ lúc liên hệ đến sau bàn giao?	Phản hồi ≤ 30 phút; khảo sát ≤ 24 giờ; phương án + báo giá ≤ 48 giờ; method statement trước thi công; giám sát trong thi công; nghiệm thu có biên bản; aftercare 24 giờ/7 ngày/30 ngày. Một đầu mối CSKH xuyên suốt.

BẢNG 0.2. BA MỨC PHƯƠNG ÁN VÀ LÝ DO CHỌN

Phương án	Chọn khi	Không chọn khi	Chỉ số chi phí
HWE	Vải polyester, bẩn thông thường, cần khô nhanh	Da, velor nhạy nước, vải mục	1,0
HWE + khử mùi/kháng khuẩn	Mùi ẩm, mồ hôi, khu vực đông người	Mốc trong đệm, nước tràn lâu ngày	1,3
Tháo vỏ/giặt khô	Vải nhạy màu, da, ghế cao cấp	Khung mục, đệm hư, không tháo được	1,7

Mức 1,0 là mức cơ sở của dịch vụ; 1,3 và 1,7 là mức tăng tương đối, không phải báo giá. Giá tuyệt đối = định mức × đơn giá sau khảo sát. Mọi phát sinh phải có change order bằng văn bản.

BẢNG 0.3. GIÁN ĐOẠN, ĐIỀU KIỆN TRỞ LẠI VÀ BẢO VỆ TÀI SẢN

Yếu tố	Cam kết / điều kiện	Điều kiện dừng
Thời gian khô	4–6 giờ nếu RH ≤ 60%; 8–12 giờ nếu RH > 70%	Không bàn giao khi độ ẩm > 12%
Tiếng ồn	Máy HWE 65–72 dBA; làm ngoài giờ	Không làm gần khu vực yên tĩnh
Mùi/độ ẩm	Hóa chất ít mùi, air mover; thông gió	RH > 80%: dời hoặc dùng hút ẩm
Trở lại sử dụng	Sau khi khô hoàn toàn; kiểm tra ẩm trước bàn giao	Không dùng ghế khi còn ẩm
Bảo vệ tài sản/hoạt động	Test vùng khuất, che sàn/đồ đạc, chặn lối đi, không dùng ghế khi đang sấy, kiểm tra màu trước/sau, chụp ảnh có mã ca.	Theo hợp đồng

BẰNG CHỨNG: MINH HỌA HAY THỰC TẾ?

Bộ hồ sơ công bố hiện có **01 Verified Customer Case** (SAH-VC-01, terrazzo, ẩn danh) và **03 Technical Demonstration** (11–13). Technical Demonstration là hồ sơ thiết kế phương án, dữ liệu minh họa, **không phải ca thực đã xác nhận**. Verified Case có nguồn công khai; chưa có consent ký. Xem 13-case-epoxy-chair.html.

Tình huống thường gặp

Nếu anh/chị đang gặp một trong ba tình huống dưới đây, tài liệu này áp dụng trực tiếp; nếu khác, gọi để phân loại trước khi báo giá:

- Ghế lem cà phê, mùi ẩm, vải xỉn màu; làm ẩm quá lâu khiến mốc hoặc co rút.
- Đã từng xử lý nhưng tái phát trong 30 ngày.
- Cần biết trước thời gian gián đoạn, chi phí và người chịu trách nhiệm.

KHÔNG XỬ LÝ TRONG GÓI NÀY

- Thay vải/đệm, sửa khung, bọc lại ghế.
- Mốc trong lớp đệm, nước tràn lâu ngày, sewage.
- Phục hồi da bong tróc, co rút do sấy sai.

Nếu công trình thuộc các mục trên, phải chuyển đơn vị chuyên biệt hoặc lập gói riêng; không nhận gộp vào gói vệ sinh.

Thuật ngữ: HWE: phun hút nước nóng; crock: độ bền màu khi chà; pH: độ acid; RH: độ ẩm không khí.

Customer Confidence Checklist

Đây là checklist bắt buộc trước khi gửi hồ sơ hoặc chốt báo giá. Nếu một ô chưa được đánh dấu, không gửi.

□ □ Trong 30 giây, tôi hiểu tài liệu này giải quyết vấn đề gì. Đạt khi đọc được mục "Tóm tắt 30 giây".

□ □ Tôi nhận ra tình huống của mình trong ví dụ hoặc được chỉ dẫn đến case phù hợp. Đạt khi có "Tình huống thường gặp" và link Technical Demonstration.

□ □ Tôi hiểu tại sao phương án được chọn tốt hơn các phương án khác. Đạt khi đọc được bảng so sánh 3 phương án và điều kiện "không chọn".

□ □ Tôi biết phạm vi công việc và những gì không được xử lý. Đạt khi đọc được mục "Không xử lý".

□ □ Tôi hiểu mức độ gián đoạn và điều kiện sử dụng trở lại. Đạt khi đọc được bảng gián đoạn và thời gian đóng rắn.

□ □ Tôi biết yếu tố nào ảnh hưởng đến giá và phát sinh. Đạt khi đọc được 3 mức chi phí và danh sách phát sinh.

□ □ Tôi hiểu cách nhà thầu bảo vệ tài sản và hoạt động của mình. Đạt khi đọc được mục "Bảo vệ tài sản/hoạt động".

□ □ Tôi biết ai xử lý nếu công việc không đạt hoặc có sự cố. Đạt khi có tên vai trò, thời hạn làm lại và bảo hành.

□ □ Tôi phân biệt được kết quả minh họa với bằng chứng thực tế. Đạt khi đọc được callout "Bằng chứng: minh họa hay thực tế?".

□ □ Tôi biết ngay bước tiếp theo để nhận tư vấn hoặc báo giá. Đạt khi đọc được callout "Bước tiếp theo".

BƯỚC TIẾP THEO

Gọi **0905 751 566** hoặc gửi Zalo/email **danangadv@gmail.com** với 3 thông tin: loại công trình, diện tích/số lượng, vấn đề đang gặp. Trong 30 phút, SONGANHHYG phản hồi; trong 24 giờ, khảo sát; trong 48 giờ, gửi phương án 2 trang + báo giá theo phạm vi.

01 · TÓM TẮT ĐIỀU HÀNH

Giặt ghế, sofa và vải nội thất: nguyên tắc và định vị

Giặt ghế là can thiệp vào vật liệu đã qua sử dụng, có lớp phủ, keo và lịch sử xử lý riêng. Sai một bước, thiệt hại có thể lớn hơn vết bẩn.

Chúng tôi nhận diện vật liệu, đo độ ẩm và độ bền màu, chọn phương pháp ít rủi ro nhất còn đủ hiệu quả, rồi mới thi công. [E1] [E3]

≤ 12%	≥ 4	5,5–7	4–6 giờ
độ ẩm vải trước bàn giao (tối đa 15% nếu hẹn kiểm tra lại)	grey scale — độ bền màu	pH nước xả cuối	khô với air mover

BA ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT ĐỂ NHẬN CA

- Đã nhận diện vật liệu và test vùng khuất, có ảnh và kết quả tại chỗ.
- Có đủ điện, nước sạch và điểm thoát nước.
- Có vùng cách ly, thông gió và khách hàng xác nhận thời gian khô.

Không có vật liệu nào chịu được mọi cách giặt. Chỉ có phương pháp phù hợp với từng vật liệu và mức bẩn.
Nguyên tắc kỹ thuật soft surface — SONGANHHYG

Hơn 25 năm từ năm 2000; 550+ nhân viên; 7.000+ khách hàng. ISO 9001:2015 và ISSA CIMS ghi trạng thái "đã công bố".

02 · PHẠM VI VÀ KPI

Phạm vi dịch vụ và định nghĩa thành công

Thành công được đo bằng bốn thứ: sạch nhìn thấy, màu không đổi, độ ẩm đạt ngưỡng và hình dạng giữ nguyên.

BẢNG 2.1. PHẠM VI BAO GỒM, KHÔNG BAO GỒM VÀ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG

Nhóm	Nội dung	Điều kiện
Bao gồm	Ghế văn phòng, sofa, ghế họp, đầu giường, vách bọc vải, nệm tháo rời	Vật liệu còn nguyên, không mủn đệm
Bao gồm	Da aniline, semi-aniline, da phủ màu, da PU; vết hữu cơ, dầu nhẹ	Có test ẩm, test màu, xác định nguồn bẩn
Không bao gồm	Sửa khung, thay lò xo, may lại vỏ, thay mút	Chuyển xưởng nội thất
Không bao gồm	Mốc lan rộng trên 1 m^2, nước đen, mùi cống chưa xử lý nguồn	Dừng, chuyển chuyên sâu
Không bao gồm	Vải bong keo, vải rách, da nứt sâu, vết cháy thủng	Tư vấn bọc lại hoặc thay
Điều kiện	Vùng cách ly 1,5 m, lối đi, ổ điện an toàn; nhiệt độ 18–32°C, RH dưới 80%	Không đạt, hoãn ca

BẢNG 2.2. KPI DỊCH VỤ VÀ CÁCH ĐO

Chỉ số	Cách đo	Ngưỡng	Tần suất
Đạt lần đầu	Ghế đạt / tổng ghế	≥ 95%	Theo ca
Độ ẩm bàn giao	Moisture meter, 3 điểm/ghế	≤ 12% (tối đa 15% nếu hẹn kiểm tra lại)	Tối thiểu 10% hoặc 10 ghế
Độ bền màu	Grey scale ISO 105-A02	≥ 4	Mỗi lô vải
Phản hồi sự cố	Từ thông báo đến có mặt	≤ 30 phút	Theo sự cố

Khách hàng xác nhận vật liệu; giám sát xác nhận test và điểm giữ; kỹ thuật quyết định thông số; HSE kiểm tra điện.

THÔNG TIN PHẢI XÁC NHẬN TRƯỚC CA
Lịch sử giặt, hóa chất đã dùng, thời gian khô mong muốn và khu vực cấm tiếp cận.

03 · CHẨN ĐOÁN

Nhận diện vật liệu và test vùng khuất

Sai vật liệu là sai toàn bộ phương án. Một mặt vải nhìn giống len có thể là polyester pha; một mặt da mềm có thể là aniline không chịu nước.

Chẩn đoán bằng quan sát, sờ và test vùng khuất; lấy mẫu ở đường may hoặc mặt dưới.

BẢNG 3.1. NHẬN DIỆN 10 NHÓM VẬT LIỆU VÀ GIỚI HẠN XỬ LÝ

Vật liệu	Dấu hiệu và test	pH	Phương pháp ưu tiên	Rủi ro chính
Len	Sợi xoăn, cháy mùi tóc	5,5–7,5	Giặt khô, foam, low-moisture	**Co rút, hóa nỉ, kiềm phá sợi**
Cotton	Cháy nhanh, mùi giấy	6–8	HWE nhiệt vừa, foam	**Co rút, lem màu, ẩm gây mốc**
Polyester	Sợi đều, chảy cục, mùi nhựa	5,5–9	HWE 50–65°C, encapsulation	**Nhiệt cao biến dạng, dầu bám**
Microfiber	Sợi mảnh, hút nước mạnh	6–8	HWE 100–200 psi, foam	**Xơ bẹp, vết nước, tồn dư**
Velvet	Mặt tuyết một chiều	6–8	Foam khô, low-moisture	**Biến dạng tuyết, vết nước**
Linen	Sợi thô, mùi giấy, dễ nhăn	6–8	Foam, sấy nhanh	**Co rút, nhăn, lem màu**
Da aniline	Mềm, thấm nước ngay	5,5–6,5	Leather care khô, conditioner	**Vết nước, mất màu, cứng nứt**
Da semi-aniline	Phủ mỏng, rõ vân	5,5–7	Leather care ẩm rất nhẹ	**Mất phủ, lem màu, bóng lệch**
Da pigment	Phủ kín, bóng đều	5,5–7	Lau ẩm, dưỡng chuyên da	**Bong phủ, trầy, hóa chất mạnh**
Da PU	Mặt đều, mùi nhựa	6–8	Foam ẩm thấp, lau khô	**Nhiệt, dung môi gây nứt bong**

BẢNG 3.2. SÁU TEST VÙNG KHUẤT VÀ CÁCH ĐỌC

Test	Cách làm	Cách đọc	Ghi phiếu
Burn test	Đốt 3–5 sợi ở đường may khuất, nơi thoáng	Mùi tóc, tro đen: len. Mùi giấy: cotton/linen. Chảy cục: tổng hợp	Loại sợi, ảnh tro
Water absorption	Nhỏ 1 giọt nước, chờ 30 giây	Thấm ngay: aniline/vải không phủ. Đọng giọt: da phủ, PU	Thời gian, đường kính
Crock test	Khăn trắng ẩm, chà 10 lượt	Grey scale ≥ 4 đạt; 3 đổi dung dịch; ≤ 2 dừng	Điểm grey scale
pH bề mặt	Giấy pH ẩm, áp 30 giây	Ghi pH, so với dung dịch dự kiến	Giá trị pH
Colorfastness	Áp dung dịch lên khăn trắng, 5 phút	Khăn không màu, vùng test không đổi: đạt	Nồng độ, thời gian
Delamination	Nâng nhẹ mép lớp phủ, keo nền	Bong, mủn, tách lớp: không thi công ướt	Vị trí, mức bong

GHI KẾT QUẢ VÀ GIỚI HẠN TEST

Phiếu ghi mã ca, vị trí, vật liệu, nồng độ, nhiệt độ, thời gian, kết quả, người làm; ảnh có thước chuẩn. Không test trên mặt ghế.

```
Lượng dung dịch = diện tích (m²) × định mức (L/m²) × số lượt phun
```

04 · PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ

Ma trận phương pháp, thông số và kiểm tra thiết bị

Phương pháp được chọn theo vật liệu, mức bẩn, khả năng khô và mức rủi ro chấp nhận.

BẢNG 4.1. MA TRẬN SÁU PHƯƠNG PHÁP VÀ ĐIỀU KIỆN LOẠI TRỪ

Phương pháp	Ưu điểm	Hạn chế	Chi phí	Rủi ro	Không áp dụng khi
HWE — phun hút nước nóng	Sạch sâu, xả hóa chất tốt	Ướt nhiều, khô lâu, cần điện	Trung bình–cao	**Co rút, lem, bong keo**	Len/rayon/velvet không kiểm soát; aniline; keo mủn
Encapsulation	Khô 1–2 giờ, ít nước	Chỉ sạch bề mặt	Trung bình	**Tồn dư polymer, tái bẩn**	Bẩn sâu, vải dày, velvet, da
Dry solvent	An toàn len, da, vải nhạy nước	Mùi, dễ cháy, cần thông gió	Cao	**Dung môi trên PU; nguồn lửa**	Phòng kín, gần lửa, PU rẻ
Foam	Ít nước, dễ kiểm soát	Không sâu, dễ tồn dư	Thấp–trung bình	**Vết loang, tái bẩn**	Dầu nặng, aniline, vải dày
Steam	Hỗ trợ làm sạch, ít hóa chất; không thay thế khử khuẩn đã công bố	Nhiệt ẩm biến dạng	Trung bình	**Sốc nhiệt, co rút, hư velvet**	Velvet, aniline, PU, phủ nhạy nhiệt
Leather care	Đúng pH, giữ mềm	Cần kỹ năng, không xử lý mốc sâu	Trung bình	**Mất phủ, lem, dưỡng sai**	Da nứt sâu, rách, ẩm nặng

Ưu tiên phương pháp ít nước nhất còn đủ hiệu quả; xử lý cục bộ trước, chỉ giặt toàn bộ khi vết bẩn đã lan. Với khách sạn, chọn phương pháp cho phép đưa phòng vào sử dụng trong ngày. [E1]

BẢNG 4.2. THIẾT BỊ, THÔNG SỐ VẬN HÀNH VÀ ĐIỂM KIỂM TRA

Thiết bị	Thông số / cài đặt	Kiểm tra trước ca	Ghi chú
Máy HWE	40–60°C tùy vật liệu (tổng hợp dày có thể đến 65°C nếu test đạt); 100–400 psi; 1–2 lượt xả	Đồng hồ áp, nhiệt, đầu phun	Hạ áp với microfiber; không đứng yên; không dùng 70°C cho polyester mỏng/velvet
Air mover	2–4 máy, hướng chéo	Cánh quạt, dây điện, chân đế	4–6 giờ, đo lại trước khi tắt
Đầu phun foam	Tỷ lệ theo nhãn, bọt mịn	Đầu lọc, áp khí, béc	Cách 20–30 cm, phủ đều
Moisture meter	Đo % độ ẩm, đã hiệu chuẩn E2	Pin, đầu dò, mẫu chuẩn	3 điểm/ghế, lấy cao nhất
pH meter và đèn soi	Thang 0–14; ánh sáng trắng	Dung dịch chuẩn, pin	Soi góc 30° và 45°

Thông số HWE cho vải tổng hợp: nước 40–60°C (tổng hợp dày có thể đến 65°C nếu test đạt), áp 100–400 psi, dwell 5–10 phút, pH nước xả 5,5–7, độ ẩm cuối ≤ 12% (tối đa 15% nếu có hẹn kiểm tra lại), khô 4–6 giờ chỉ khi RH ≤ 60% và có air mover/hút ẩm; RH > 70% phải kéo dài 8–12 giờ hoặc dời bàn giao. Kiểm tra backing trước khi ướt. Với len, cotton mỏng, velvet hoặc vải phủ, hạ nhiệt và áp theo nhãn. [E3]

ĐIỀU KIỆN KHÔ QUYẾT ĐỊNH LỊCH BÀN GIAO

Đà Nẵng thường có RH 75–90% vào mùa mưa. Với cùng một lượng nước, thời gian khô có thể gấp đôi. Không hứa "4–6 giờ" nếu không kiểm soát được ẩm phòng: phải có hút ẩm, air mover, thông gió và đo lại trước khi bàn giao. Nếu khách cần dùng ngay, chọn encapsulation/dry solvent thay vì HWE.

DỪNG MÁY KHI

- Nước xả đục bất thường hoặc có mùi lạ.
- Đầu phun tắc, áp vượt dải cho phép.
- Bề mặt đổi màu, xù lông, lộ keo nền hoặc dây điện bị ướt.

05 · HÓA CHẤT VÀ DA

Hóa chất, độ tương thích và chăm sóc da

Hóa chất được chọn theo vật liệu và loại bẩn. Dung dịch mạnh hơn không đồng nghĩa sạch hơn; nó chỉ rút ngắn thời gian trước khi hỏng vật liệu.

BẢNG 5.1. NHÓM HÓA CHẤT, PH, PHA LOÃNG VÀ CẤM KỴ

Nhóm	pH	Pha loãng	Tiếp xúc	Bề mặt dùng	Cấm kỵ
Trung tính	6,5–8,5	15–30 mL/L	1–3 phút	Vải tổng hợp, da phủ, khung	Không đủ mạnh cho dầu nặng
Giặt vải trung tính	5,5–7,5	Theo nhãn	5–10 phút	Len, cotton, nệm	Không dùng với kiềm mạnh
Kiềm nhẹ	8–9	Theo nhãn	3–5 phút	Polyester, microfiber	Cấm len, aniline, vải kém bền màu
Oxy già	3–6%	Theo nhãn	5–10 phút	Vải trắng, vết hữu cơ	Test màu; tránh kim loại
Dung môi khô	—	Dùng sẵn	Theo nhãn	Len, da thật, vải nhạy nước	Cấm PU, nguồn lửa, phòng kín
Chăm sóc da	5,5–7	Theo nhãn	1–3 phút	Aniline, semi, da phủ màu	Cấm kiềm, cồn mạnh, ngâm nước

Ký hiệu: **OK** đúng pha loãng; **!** chỉ dùng sau test và có giám sát; **NO** cấm. Len chỉ nhận pH 5,5–7,5; aniline chỉ nhận sản phẩm chuyên da pH 5,5–6,5. Ưu tiên 3M và Diversey khi hợp đồng chỉ định; mọi sản phẩm phải có SDS và nhãn tiếng Việt.

BẢNG 5.2. PHÂN LOẠI DA VÀ PHÁC ĐỒ CHĂM SÓC

Loại da	Nhận diện	pH	Test bắt buộc	Quy trình và cấm kỵ
Aniline	Mềm, thấm nước ngay, không phủ bóng	5,5–6,5	Giọt nước, crock, pH, màu	Khăn ẩm vắt kỹ, dưỡng chuyên da; cấm ngâm, kiềm, cồn
Semi-aniline	Phủ mỏng, thấm chậm, rõ vân	5,5–7	Giọt nước, crock, độ bóng	Lau ẩm nhẹ, dưỡng mỏng; tránh chà mạnh
Pigmented	Phủ màu kín, bóng đều, ít thấm	5,5–7	Crock, pH, dung dịch	Lau ẩm, dưỡng; tránh dung môi, vật sắc
Da PU	Mặt đều, mùi nhựa, cạnh thấy nền vải	6–8	Nhiệt, dung môi	Foam ẩm thấp, lau khô; cấm nhiệt cao, dung môi mạnh

Quy trình da 5 bước. Hút bụi khô bằng đầu mềm. Test ẩm, crock, pH vùng khuất. Làm sạch bằng dung dịch chuyên da pH 5,5–7, lượng tối thiểu, lau một chiều. Xả bằng khăn ẩm vắt kỹ, thấm khô, không dùng nhiệt. Dưỡng mỏng trên bề mặt khô.

CẤM TUYỆT ĐỐI

- Trộn hóa chất, đặc biệt clo với acid hoặc amoniac.
- Kiềm mạnh, bleach, cồn công nghiệp trên len, aniline, vải màu.
- Dung môi trong phòng kín có nguồn lửa; tăng nồng độ ngoài nhãn.

06 · SOP THI CÔNG

Tám bước thi công và điểm giữ bắt buộc

Mỗi bước có tiêu chí chuyển bước. Người giữ điểm giữ có quyền dừng ca, kể cả khi khách hàng đề nghị tiếp tục.

BẢNG 6.1. SOP TÁM BƯỚC, ĐIỂM GIỮ VÀ TIÊU CHÍ CHUYỂN BƯỚC

Bước	Việc thực hiện	Dụng cụ / hóa chất	Điểm giữ	Người kiểm tra	Tiêu chí
1	Khảo sát, nhận diện vật liệu, đo độ ẩm nền	Đèn, moisture meter, phiếu	Xác nhận vật liệu, lịch sử xử lý	Giám sát	Phiếu có ảnh, chữ ký
2	Test vùng khuất cho từng dung dịch	Khăn trắng, giấy pH, grey scale	Kết quả test đạt	Kỹ thuật	Grey scale ≥ 4, không bong
3	Che chắn sàn, ổ điện, đồ đạc; cách ly, thông gió	Bạt, băng keo, cột chắn, quạt	Kiểm tra điện, lối thoát	HSE	Không ổ hở, sàn an toàn
4	Hút bụi khô, xử lý vết cục bộ	Máy hút, đầu mềm	Không còn bụi, cát, xơ	Tổ trưởng	Khô, không xước mới
5	Pre-spray, dwell 5–10 phút, không để khô	Bình phun, dung dịch đúng pha	pH và thời gian dwell	Giám sát	Còn ẩm, pH trong dải
6	Chà nhẹ hoặc hand tool theo chiều sợi	Máy chà, pad, bàn chải mềm	Không xổ sợi, không bóng giả	Kỹ thuật	Không vệt lạ, không rách
7	Xả / HWE, hút ẩm đến khi nước trong	Máy HWE, nước sạch	Nước xả cuối và pH	Giám sát	Nước trong, pH 5,5–7
8	Sấy, đo độ ẩm, chụp ảnh, bàn giao	Air mover, moisture meter, biên bản	Độ ẩm ≤ 12% (tối đa 15% nếu hẹn kiểm tra lại) và nghiệm thu	Kỹ thuật + khách hàng	Đạt bảng 8.1, khách ký

THẨM QUYỀN DỪNG CA

Người giữ điểm giữ dừng ca khi phát hiện bong keo, đổi màu, mùi lạ, nước không thoát hoặc an toàn không đạt; ghi nhật ký và báo khách hàng trong 30 phút.

Giám sát hai lớp kiểm tra chéo; người thi công không tự xác nhận điểm giữ. 4–6 giờ với air mover là thời gian tham chiếu trong phòng có thông gió. [E3]

07 · KIỂM SOÁT RỦI RO

Rủi ro kỹ thuật, HSE và an ninh

Rủi ro lớn nhất không phải vết bẩn còn lại, mà là hư hỏng vật liệu và ẩm mốc phát sinh sau khi rời hiện trường.

BẢNG 7.1. BẢNG RỦI RO × KIỂM SOÁT CHO CA GIẶT GHẾ, SOFA

Rủi ro	Dấu hiệu sớm	Kiểm soát trước	Xử lý khi xảy ra	Mức
Co rút	Vải căng bất thường, đường may nhăn	Test nhiệt, hạ nhiệt, low-moisture cho len	Dừng, sấy khô tự nhiên, không kéo	Cao
Lem màu	Khăn test có màu, vùng ướt sẫm	Crock test, pH phù hợp, xả nhanh	Hút ẩm, xả nước sạch, đánh giá lại	Cao
Bong keo	Mép cứng, lộ keo, mủn khi ấn	Kiểm tra delamination, không dùng nước	Dừng, chuyển bọc lại hoặc thay	Cao
Mốc tái phát	Mùi ẩm, đốm xám, độ ẩm trên 15%	Xử lý nguồn ẩm, sấy đủ, thông gió	Khử khuẩn, sấy lại; lan rộng chuyển chuyên gia	Cao
Biến dạng nhung	Vệt ép, mặt tuyết đổi hướng	Không HWE, foam khô, bàn chải mềm	Làm khô, chải nhẹ; không hứa phục hồi 100%	Trung bình
Tồn dư hóa chất	Nhờn, cứng, tái bẩn nhanh	Đúng pha, xả đến nước trong, đo pH	Xả lại nước sạch, kiểm tra pH	Trung bình
Điện và nước	Dây ướt, ổ cắm gần khu phun	Che ổ, dùng RCD, giữ dây khỏi sàn ướt	Ngắt điện, cách ly, báo HSE	Cao
An ninh, tài sản	Đồ đạc xê dịch, khu vực cấm	Danh mục tài sản, ảnh trước, người đi cùng	Báo bảo vệ, lập biên bản	Trung bình

PPE: găng nitrile, kính bảo hộ, khẩu trang, giày chống trượt.

ĐIỀU KIỆN DỪNG HSE

- Phòng kín không thông gió khi dùng dung môi.
- Người bệnh hô hấp hoặc da liễu trong khu vực không được bảo vệ.
- Ổ điện hở, dây trần hoặc nước đọng gần thiết bị điện.
- Không có lối thoát và không có người biết sơ cứu.

08 · ĐO LƯỜNG VÀ NGHIỆM THU

Chỉ tiêu đo, ngưỡng đạt và hồ sơ nghiệm thu

Nghiệm thu bằng số đo và ảnh có tham chiếu, không bằng cảm nhận “trông sạch hơn”. Mỗi chỉ tiêu phải có người đo và thiết bị đo.

BẢNG 8.1. CHỈ TIÊU NGHIỆM THU, THIẾT BỊ VÀ NGƯỠNG ĐẠT

Chỉ tiêu	Thiết bị / phương pháp	Ngưỡng đạt	Tần suất	Mẫu ghi
Độ ẩm vải	Moisture meter, 3 điểm/ghế	≤ 12% (tối đa 15% nếu hẹn kiểm tra lại)	Tối thiểu 10% hoặc 10 ghế	Giá trị cao nhất
Độ bền màu	Grey scale ISO 105-A02	≥ 4	Mỗi lô vải	Điểm 1–5
pH nước xả cuối	pH meter / giấy pH	5,5–7	Mỗi ca	Giá trị pH
Hình dạng	Quan sát, đo chiều cao đệm, đường may	Không co rút, không biến dạng	100% ghế	Ảnh cùng góc
Mùi	Cảm quan 0–3	0 — không mùi ẩm, mùi hóa chất	Tất cả ghế trong lô	Mức 0–3
Thời gian khô	Đồng hồ, air mover, ẩm kế phòng	4–6 giờ khi RH ≤ 60%; RH > 70%: 8–12 giờ	Mỗi ca	Giờ bắt đầu / kết thúc

Ảnh cùng góc, cùng khoảng cách, có thẻ mã ca; biên bản ghi rõ vết bẩn không thể phục hồi. [E4]

Vai trò	Họ tên	Chữ ký	Ngày, giờ
Người đo / kỹ thuật			
Giám sát SONGANHHYG			
Đại diện khách hàng			

ĐIỀU KIỆN KÝ NGHIỆM THU

Chỉ ký khi đủ bốn điều kiện: độ ẩm ≤ 12% (tối đa 15% nếu hẹn kiểm tra lại), grey scale ≥ 4, pH nước xả 5,5–7 và không có biến dạng mới. Không đạt thì ghi "chưa nghiệm thu", nêu hành động và hạn đo lại.

09 · KHÔNG NÊN THI CÔNG

Không nên thi công: điều kiện dừng và cảnh báo

Từ chối đúng lúc là một phần của năng lực. Một ca dừng có kiểm soát rẻ hơn một chiếc sofa hỏng.

BẢNG 9.1. ĐIỀU KIỆN KHÔNG NÊN THI CÔNG VÀ HÀNH ĐỘNG

Điều kiện	Dấu hiệu	Hành động
Len, rayon, velvet không kiểm soát	Không rõ thành phần, không có phương pháp khô	Dừng; chuyển giặt khô hoặc foam có test
Da aniline đang ẩm	Màu sẫm, mềm bất thường, vết nước lan	Không thi công; thấm khô, để khô tự nhiên
Vải bong keo, backing mủn	Mép cứng, lộ keo, ấn thấy mủn	Dừng mọi phương pháp ướt; bọc lại hoặc thay
Mốc lan rộng trên 1 m^2	Đốm xám đen, mùi ẩm nặng	Dừng; xử lý nguồn ẩm, chuyển chuyên gia
Nhiệt, ẩm cao, mưa kéo dài	RH trên 80%, phòng không kín, không sấy	Hoãn; bố trí phòng sấy hoặc phương pháp khô
Không có điện cho máy hút	Ổ không đủ tải, dây không an toàn	Hoãn; không dùng dây nối qua lối đi
Không che chắn được	Không cách ly được người, đồ, điện	Hoãn đến khi có vùng cách ly
Vải rách, khung gãy, người nhạy cảm	Rách lan, lò xo lộ; trẻ nhỏ, bệnh hô hấp	Không giặt; sửa hoặc bố trí khu vực khác

KHÔNG THI CÔNG KHI THIẾU BA THỨ

- Không có kết quả test vùng khuất đạt.
- Không có phương án kiểm soát ẩm và thời gian khô.
- Không có người có thẩm quyền xác nhận điểm giữ.

Nếu khách hàng yêu cầu bỏ qua điều kiện dừng, ghi vào biên bản và không nhận trách nhiệm cho hư hỏng phát sinh. [E0]

10 · PHƯƠNG ÁN THAY THẾ VÀ BÀN GIAO

Phương án thay thế, bàn giao, bảo hành, hồ sơ

Mỗi điều kiện dừng phải đi kèm một con đường thứ hai. Khách hàng cần biết phương án nào còn hiệu quả, chi phí ra sao và giới hạn ở đâu.

BẢNG 10.1. MA TRẬN PHƯƠNG ÁN THAY THẾ VÀ TIÊU CHÍ CHỌN

Tình huống	Phương án thay thế	Tiêu chí chọn	Giới hạn
Len, velvet, vải nhạy nước	Giặt khô dung môi hoặc foam kiểm soát	Không co rút, khô nhanh, không lem	Chi phí cao, cần thông gió
Vải tổng hợp bẩn sâu, phòng ẩm	Low-moisture encapsulation	Khô 1–2 giờ, ít nước	Không sạch sâu bằng HWE
Da aniline hoặc da nứt nhẹ	Leather care khô, dưỡng chuyên dụng	Giữ màu, giữ mềm, không ngâm	Không xử lý mốc sâu
Bong keo, backing mủn	Bọc lại vỏ hoặc thay nệm	Bền hơn giặt, không tái phát	Chi phí vật liệu, thời gian chờ
Mốc lan rộng, nước đen	Xử lý nguồn ẩm, thay mút, khử khuẩn	Giải quyết nguyên nhân	Cần chuyên gia, thời gian

Chọn theo ba tiêu chí: bảo vệ vật liệu, thời gian sử dụng và tổng chi phí sở hữu. Nếu khách hàng chọn phương án rủi ro cao hơn, cần văn bản xác nhận và vẫn tuân thủ điều kiện dừng HSE. [E1]

10.1. Bàn giao, bảo hành và hồ sơ

Hồ sơ gồm phiếu chẩn đoán, phiếu test, nhật ký thông số, ảnh trước/sau, biên bản nghiệm thu có chữ ký và SDS. Bảo hành tới 2 tuần theo hồ sơ năng lực hiện hành, cho lỗi thuộc quy trình như tồn dư hóa chất, vệt loang, ẩm do sấy chưa đạt. Không áp dụng cho vết bẩn mới, mốc do nguồn ẩm công trình hoặc can thiệp bên thứ ba.

- □ Đã giao đủ hồ sơ, ảnh và hướng dẫn thời gian đưa vào sử dụng.
- □ Đã ghi rõ vết bẩn không thể phục hồi và lưu bản gốc theo mã ca.

10.2. Phụ lục — checklist khảo sát một trang

- □ Thông tin ca: khách hàng, địa điểm, ngày, giờ, mã ca, người khảo sát.
- □ Danh mục ghế/sofa: số lượng, vị trí, vật liệu, tình trạng, lịch sử xử lý.
- □ Kết quả test: burn, water absorption, crock, pH, colorfastness, delamination.
- □ Điều kiện và rủi ro: điện, nước, thông gió, độ ẩm, phương án thay thế.

Tài liệu nội bộ SAH-SC-02, phiên bản 1.1 — 11/2026. Các ngưỡng kỹ thuật là ngưỡng kiểm soát nội bộ, phải đối chiếu nhãn sản phẩm, SDS và tiêu chuẩn hợp đồng tại từng ca.

SONGANHHYG

DỊCH VỤ TỪ TRÁI TIM

Hồ sơ này là một phần trong thư viện bằng chứng năng lực 2026 của SONGANHHYG: tiêu chuẩn nghề, năng lực dịch vụ, ca triển khai và cơ chế bảo vệ rủi ro cho khách hàng B2B.

Liên hệ để nhận bộ hồ sơ đầy đủ

Hotline: 0905 751 566
Email: danangadv@gmail.com
Website: https://dichvuvesinhdanang.com
Địa chỉ: K57/10 Giang Văn Minh, Hòa Thuận Tây, Đà Nẵng
Mã số thuế: 00401989912

NGUYÊN TẮC CÔNG BỐ

Chỉ công bố dữ liệu đã được khách hàng xác nhận bằng văn bản hoặc dữ liệu minh họa có gắn nhãn rõ ràng. Không sử dụng logo, ảnh nhận diện, tên nhân sự hoặc thông tin nội bộ khi chưa có consent. Mọi trích dẫn phải giữ nguyên ngữ cảnh, đơn vị đo và điều kiện thử nghiệm.

DỊCH VỤ TRÊN WEBSITE

- Giặt ghế sofa